

Số: 23 /2020/QĐST-DS.

B, ngày 02 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 187/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Ông **Nguyễn Kỳ P**, sinh năm 1941. Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

BI ĐƠN: Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1966. Địa chỉ: phường H, quận C, thành phố C.

NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI, N VU LIÊN QUAN:

Ông **Nguyễn Hữu X**, sinh năm 1957. Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1959. Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1960. Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

Anh **Nguyễn Hữu Tr**, sinh năm 1984 và chị **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1986. Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

Chị N ủy quyền cho anh Tr đại diện tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 22/6/2020.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về sự thỏa thuận của các đương sự:

Ông Nguyễn Kỳ P, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu X, anh Nguyễn Hữu Tr, chị Nguyễn Thị Thanh N thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của bà Trần Thị D để lại như sau:

+ Ông Nguyễn Kỳ P được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 54,8m² (loại đất CLN) tại vị Tr (A) thửa đất số 864 theo Bản Trích đo địa chính số 17/TTKTTNMT ngày

23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở tài nguyên và môi trường thành phố C.

+ Ông Nguyễn Hữu N được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 40,4m² (loại đất CLN) tại vị Tr (E) thửa đất số 864 theo Bản Trích đo địa chính số 17/TTKTTNMT ngày 23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở tài nguyên và môi trường thành phố C.

+ Ông Nguyễn Hữu X được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 154,0m² (loại đất ODT+CLN) tại thửa đất số 862+864¹ theo Bản Trích đo địa chính số 17/TTKTTNMT ngày 23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở tài nguyên và môi trường thành phố C.

+ Ông Nguyễn Hữu T được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 55,1m² (loại đất CLN) tại vị Tr (B) thửa đất số 864 theo Bản Trích đo địa chính số 17/TTKTTNMT ngày 23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở tài nguyên và môi trường thành phố C.

+ Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 57,7m² (loại đất CLN) tại vị Tr (C) thửa đất số 864 theo Bản Trích đo địa chính số 17/TTKTTNMT ngày 23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở tài nguyên và môi trường thành phố C.

+ Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị Thanh Ngân được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 26,6m² (loại đất CLN) tại vị Tr (D) thửa đất số 864 theo Bản Trích đo địa chính số 17/TTKTTNMT ngày 23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở tài nguyên và môi trường thành phố C.

(Đính kèm Quyết định này là bản Trích đo địa chính số 17/TTKTTNMT ngày 23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở tài nguyên và môi trường thành phố C)

Các đương sự tự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký điều chỉnh quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là di sản thừa kế được nhận theo quy định của pháp luật về đất đai.

Sự thỏa thuận này của các đương sự xem như đã phân chia xong di sản thừa kế do bà Trần Thị Diệp để lại và không phát sinh tranh chấp về vấn đề này.

Về chi phí đo đạc, định giá: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) ông P đã nộp và thanh toán xong tại Tòa. Do vậy, ông X, ông T, bà M phải hoàn trả lại cho ông P tổng số tiền 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng) (Mỗi người trả 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng/ người)). Anh Tr và chị Ngân hoàn trả lại cho ông P tổng số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Kỳ P, ông Nguyễn Hữu X, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Nguyễn Hữu N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Anh Nguyễn Hữu Tr, chị Nguyễn Thị Thanh Ngân phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C;
- Tòa án nhân dân Thành phố C;
- Lưu (hs, Vp, Ltd);

THẨM PHÁN

Phạm Thị A